TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 8 - CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 110/2026/HNGĐ-ST
Ngày 21 - 4 - 2026
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 – CẦN THƠ

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Liên Lâm Anh Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Văn Hiệp.

Bà Nguyễn Hồng Phượng.

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Trần Văn Dũng - Thư ký viên Tòa án nhân dân khu vực 8 - Cần Thơ.

Ngày 21 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 8 - Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 263/2025/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 11 năm 2025 về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con",* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 144/2026/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 3 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: chị Thạch Thị R, sinh ngày 01/01/1995 "vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt".

Địa chỉ: ấp Đ, xã L, thành phố Cần Thơ.

- *Bị đơn*: anh Lê Thanh T, sinh ngày 19/5/1993 "vắng mặt".

Địa chỉ: ấp H, xã V, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện ngày 19 tháng 11 năm 2025 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Thạch Thị R trình bày:

- Về hôn nhân: chị Thạch Thị R và anh Lê Thanh T tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn vào ngày 08/3/2017 tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện T, tỉnh Sóc Trăng (nay là xã L, thành phố Cần Thơ). Sau khi kết hôn chị R và anh T chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, nên cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc. Chị R và anh T đã sống ly thân từ tháng 3 năm 2025 cho đến nay, nên chị R yêu cầu ly hôn với anh T.

- Về con chung: trong thời gian chung sống chị Thạch Thị R và anh Lê Thanh T có 02 người con chung tên Lê Tâm P, sinh ngày 22/8/2018 và Lê Thị

Bích N, sinh ngày 27/11/2022. Hiện cháu P và cháu N đang sống chung với chị R. Chị R yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu P và cháu N cho đến khi cháu P và cháu N thành niên. Chị R không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi cháu P và cháu N.

- Về tài sản chung: trong thời gian chung sống chị Thạch Thị R và anh Lê Thanh T không có tài sản chung, nên không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: trong thời gian chung sống chị Thạch Thị R và anh Lê Thanh T không có nợ chung, nên không yêu cầu giải quyết.

Tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt chị Thạch Thị R vẫn giữ nguyên yêu cầu trên.

* Bị đơn là anh Lê Thanh T đã nhận được Thông báo về việc thụ lý vụ án của Tòa án nhân dân khu vực 8 – Cần Thơ, nên anh T đã biết được yêu cầu khởi kiện của chị Thạch Thị R. Anh T không có ý kiến gì đối với yêu cầu của chị R.

Tòa án nhân dân khu vực 8 – Cần Thơ đã ban hành thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, đồng thời triệu tập anh Lê Thanh T tham gia phiên tòa hai lần hợp lệ, nhưng anh T vắng mặt không có lý do và anh T cũng không cung cấp lời khai cho Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: theo đơn khởi kiện ngày 19 tháng 11 năm 2025 của nguyên đơn chị Thạch Thị R thì chị R kiện anh Lê Thanh T là bị đơn cư trú tại ấp H, xã V, thành phố Cần Thơ, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 8 – Cần Thơ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về quan hệ pháp luật: nguyên đơn chị Thạch Thị R khởi kiện yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung với bị đơn anh Lê Thanh T, nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án này là ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung theo quy định tại khoản 1 Điều 51 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Chị Thạch Thị R là nguyên đơn trong vụ án, vắng mặt tại phiên tòa, nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt chị R.

[1.4] Anh Lê Thanh T là bị đơn trong vụ án, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt anh T.

[2] Về quan hệ hôn nhân: chị Thạch Thị R và anh Lê Thanh T tự nguyện kết hôn khi đã đủ tuổi kết hôn và đủ điều kiện kết hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 8 của Luật Hôn nhân và gia đình, chị R và anh T có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện T, tỉnh Sóc Trăng (nay là xã L, thành phố Cần Thơ) theo quy định tại khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình, nên hôn nhân của chị R và anh T là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn chị R và anh T chung sống hạnh phúc, được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng ý kiến nên chị R và anh T sống không còn hạnh phúc. Khi phát sinh mâu thuẫn thì chị R và anh T không cùng nhau khắc phục, tìm biện pháp giải quyết, động viên, an ủi nhau và đã sống ly thân từ tháng 3 năm 2025. Từ khi sống ly thân cho đến nay chị R và anh T không gặp nhau để bàn bạc về việc hàn gắn lại hạnh phúc gia đình, nên mâu thuẫn ngày càng trở nên trầm trọng, chị R yêu cầu được ly hôn; anh T không có ý kiến gì đối với yêu cầu của chị R.

Xét thấy: hiện nay hôn nhân của chị Thạch Thị R và anh Lê Thanh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Chị R yêu cầu được ly hôn với anh T là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, nên Hội đồng xét xử chấp nhận, xử cho chị R được ly hôn với anh T.

[3] Về con chung: trong thời gian chung sống chị Thạch Thị R và anh Lê Thanh T có 02 người con chung tên Lê Tâm P, sinh ngày 22/8/2018 và Lê Thị Bích N, sinh ngày 27/11/2022. Từ khi chị R và anh T sống ly thân cho đến nay chị R trực tiếp nuôi dưỡng cháu P và cháu N. Chị R yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu P và cháu N; anh T không có ý kiến gì đối với yêu cầu của chị R.

Xét thấy: từ khi chị Thạch Thị R và anh Lê Thanh T sống ly thân cho đến nay chị R là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu P và cháu N. Hiện nay cháu P và cháu N đang có cuộc sống ổn định cùng với chị R, nguyện vọng của cháu P cũng yêu cầu được sống chung với chị R, anh T không có ý kiến phản đối, nên việc chị R yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu P và cháu N là đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của cháu P và cháu N, phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị R, xử giao cháu P và cháu N cho chị R trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi cháu P và cháu N thành niên. Do chị R không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con, nên anh T không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con cho anh T, không ai được cản trở theo quy định tại khoản 3 Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung: trong thời gian chung sống chị Thạch Thị R và anh Lê Thanh T không có tài sản chung, chị R và anh T không có yêu cầu gì, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về nợ chung: trong thời gian chung sống chị Thạch Thị R và anh Lê Thanh T không có nợ chung, chị R và anh T không có yêu cầu gì, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14,

ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội, buộc chị Thạch Thị R phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng chị R được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010231 ngày 19 tháng 11 năm 2025 của Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ (khu vực 8), như vậy chị R đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm; anh Lê Thanh T không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[7] Về quyền kháng cáo bản án: áp dụng Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 238, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 8, khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, khoản 3 Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội; Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Thạch Thị R.

1. Về hôn nhân: xử cho chị Thạch Thị R được ly hôn với anh Lê Thanh T.

2. Về con chung: giao 02 cháu Lê Tâm P, sinh ngày 22/8/2018 và Lê Thị Bích N, sinh ngày 27/11/2022 cho chị Thạch Thị R trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi cháu P và cháu N thành niên. Anh Lê Thanh T không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con cho anh Lê Thanh T không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: chị Thạch Thị R và anh Lê Thanh T không có yêu cầu gì, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: chị Thạch Thị R và anh Lê Thanh T không có yêu cầu gì, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

5. Án phí dân sự sơ thẩm: chị Thạch Thị R phải nộp 300.000 đồng *(ba trăm ngàn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm, nhưng chị R được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng *(ba trăm ngàn đồng)* theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010231 ngày 19 tháng 11 năm 2025 của Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ (khu vực 8), như vậy chị R đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm; anh Lê Thanh T không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo bản án: nguyên đơn chị Thạch Thị R và bị đơn anh Lê Thanh T có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 *(mười lăm)* ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

7. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP Cần Thơ;
- VKSND khu vực 8 – Cần Thơ;
- Phòng THADS khu vực 8 – Cần Thơ;
- UBND xã Liêu Tú;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Liên Lâm Anh Thảo